ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I-ĐỀ 1
NĂM HỌC 2023 - 2024
Môn: Toán 7

Thời gian: 90 phút *(Không kể thời gian giao đề)*

Họ và Tên ……..…….....Lớp ……SBD……

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN. ***(3,0 điểm)***

**** Khoanh tròn vào một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng***

Câu 1: Trong các câu sau câu nào ***đúng***?

A. $\frac{3}{7} \in Q$. B. $\frac{1}{2} \in Z$. C. $\frac{-9}{5} \notin Q$. D. $-6 \in N$.

Câu 2: Tập hợp các số hữu tỉ kí hiệu là:

A. N; B. N^*; C. Q ; D. Z .

Câu 3: Số đối của $\frac{-2}{3}$ là:

A. $\frac{2}{3}$; B. $\frac{3}{2}$; C. $\frac{-3}{2}$; D. $\frac{2}{-3}$.

Câu 4: Điểm B trên trục số biểu diễn số hữu tỉ nào sau đây:

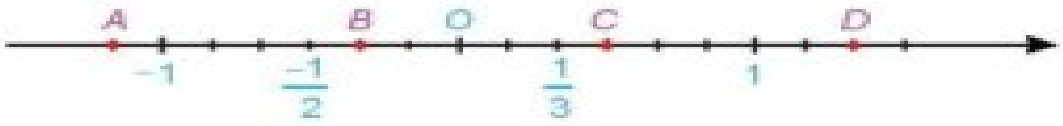

A. $\frac{-2}{3}$; B. $\frac{-2}{5}$; C. $\frac{-1}{3}$; D. $\frac{2}{6}$.

Câu 5: Phép tính nào sau đây ***không đúng?***

A. $x^{18}:x^6 ¿ x^{12}(x \neq 0)$; B.$x^4.x^8=x^{12}$ C. $x^2.x^6=x^{12}$ D.¿

Câu 6: Cho các số sau $\frac{4}{6}=0,66...;\frac{3}{4}=0,75;\frac{20}{15}=1,333....;\frac{5}{4}=1,25$ số nào viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn?

A. $\frac{4}{6}=0,66...;\frac{20}{15}=1,333....$; B. $\frac{3}{4}=0,75;\frac{5}{4}=1,25$;

C. $\frac{4}{6}=0,66...;\frac{3}{4}=0,75$; D. $\frac{4}{6}=0,66...;\frac{3}{4}=0,75;\frac{20}{15}=1,333....$

Câu 7: Số mặt của hình hộp chữ nhật $ABCD.A'B'C'D'$ là:

A. 3; B.4; C. 5 ; D. 6 .

Câu 8: Thể tích của hình hộp chữ nhật bên là:

A. 6 cm^3; B.8 cm^3; C. 12 cm^3 ; D. 24 cm^3.

Câu 9: Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật bên là:

A. 12 cm^2; B.36 cm^2; C. 24 cm^2 ; D. 42 cm^2

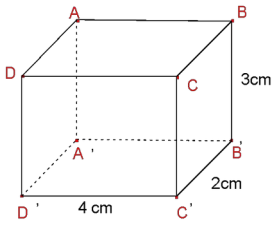

Câu 10: Tiên đề Euclid được phát biểu: " Qua một điểm M nằm ngoài đường thẳng a ...."

A. Có duy nhất một đường thẳng đi qua M và song song với a.

B. Có hai đường thẳng song song với a.

C. Có ít nhất một đường thẳng song song với a.

D. Có vô số đường thẳng song song với a.

Câu 11: Cho hình vẽ:

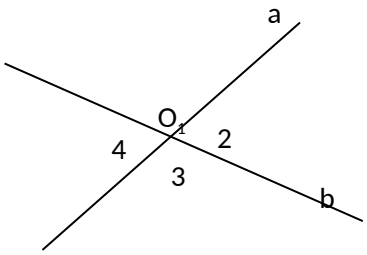

Các cặp góc đối đỉnh là:

A. $\hat{O}_1$ và $\hat{O}_2$ B. $\hat{O}_1$ và $\hat{O}_4$

C. $\hat{O}_2$ và $\hat{O}_4$; $\hat{O}_1$ và $\hat{O}_3$ D. $\hat{O}_2$ và $\hat{O}_3$

Câu 12: Cho hình vẽ, biết $\widehat{xOy}=40^0$, Oy là tia phân giác của góc $\widehat{xOz}$. Khi đó số đo $\widehat{yOz}$ bằng:

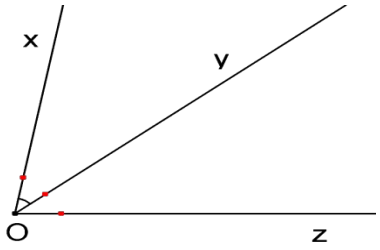

$A.20^0$; $B.160^0$

$C.80^0$ $D.40^0$

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 13 (2 điểm) Tính:

a) $\sqrt{9}$ b) $-5+\sqrt{25}$

c) $\left(\frac{1}{2}\right)^2 \cdot \left(\frac{1}{2}\right)^5$ d) $\left(2,5+\frac{2}{3}\right)-1,5$

Câu 14 (0,5 điểm). Tìm số đối của các số sau: 15; $\frac{-3}{-5}$; -0,5; $\frac{2}{-3}$

Câu 15 (2 điểm): Tìm x:

a) $x-\frac{2}{3}=\frac{4}{5}.\frac{3}{4}$ b) $x-\frac{11}{18}=0,2+\frac{7}{18}$

Câu 16 (1 điểm): Cho hình vẽ: Tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ ABC.A'B'C'?

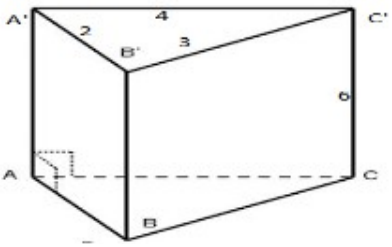

Câu 17*(0,5 điểm)* Hãy chỉ ra các cặp góc đối đỉnh có trong hình bên?

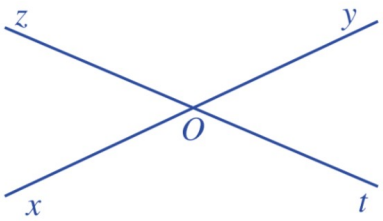

Hình 13

Câu 18: **(1,0 điểm)** Theo yêu cầu của bác An, diện tích phòng ngủ tối thiểu đạt 25m^2. Trên bản vẽ có tỉ lệ $\frac{1}{100}$, kích thước phòng ngủ trên bản vẽ tính bằng centimet. Khoảng cách trên bản vẽ như vậy có phù hợp với yêu cầu của bác An không? Vì sao?

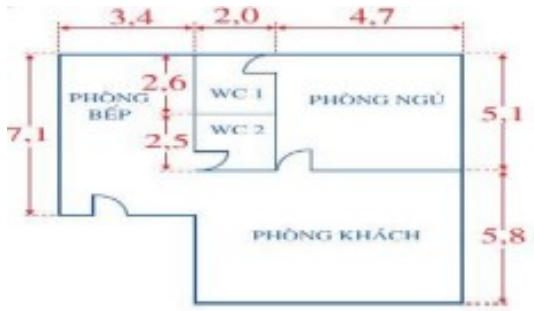

********** Hết **********

ĐÁP ÁN + THANG ĐIỂM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
MÔN: TOÁN 7 – Đề 01

I. Phần trắc nghiệm (3đ). Mỗi câu chọn đúng đáp án được 0,25 đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	**A**	**C**	**A**	**C**	**C**	**B**	**D**	**D**	**B**	**A**	**C**	**D**

II. Phần tự luận (7 đ).

Câu		**Đáp án**	**Điểm**
Câu 13 (2đ)	a (0,5 đ)	a) $\sqrt{9} = 3$	0,5
	b (0,5 đ)	b) $-5+\sqrt{25}$ = -5 + 5 = 0	0.5
	c (0,5 đ)	c) $\left(\frac{1}{2}\right)^2 \cdot \left(\frac{1}{2}\right)^5 = \left(\frac{1}{2}\right)^7$	0.5
	d (0,5 đ)	d) $\left(2,5+\frac{2}{3}\right)-1,5$ $=(2,5-1,5)+\frac{2}{3}$ $=\frac{5}{3}$	0.25 0.25
Câu 14 (0,5đ)	(0,5đ)	Số đối của 15 là -15 Số đối của $\frac{-3}{-5}$ là $-\frac{3}{5}$ Số đối của -0,5 là 0,5 Số đối của $\frac{2}{-3}$ là $\frac{2}{3}$	0,25 0,25
Câu 15	a (1 đ)	a)	

(2 đ)		$x-\frac{2}{3}=\frac{4}{5}:\frac{3}{4}$ $x-\frac{2}{3}=\frac{3}{5}$ $x=\frac{3}{5}+\frac{2}{3}$ $x=\frac{19}{15}$	0.25 0,25 0,5
	b (1 đ)	b) $x-\frac{11}{18}=0,2+\frac{7}{18}$ $x-\frac{11}{18}=\frac{1}{2}+\frac{7}{18}$ $x-\frac{11}{18}=\frac{16}{18}$ $x=\frac{27}{18}$ $x=\frac{3}{2}$	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 16 (1 đ)	(1 đ)	Chu vi đáy hình lăng trụ đứng tam giác là C = (2+3+4) = 9 cm Diện tích xung quanh hình lăng trụ đứng tam giác là: $S_{xq} = 9.6 = 54\ cm^2$	0,5 0,5
Câu 17 (0.5 đ)	(0,5 đ)	+) $\widehat{xOz}$ và $\widehat{yOt}$ +) $\widehat{xOt}$ và $\widehat{yOz}$	0,25 0,25
Câu 18 (1đ)		Kích thước phòng ngủ thực tế theo bản vẽ là: 4,7.100 = 470cm = 4,7m 5,1.100 = 510cm = 5,1m Diện tích phòng ngủ thực tế theo bản vẽ: $4,7.5,1 = 23,97\ m^2$ Như vậy kích thước phòng ngủ như trong bản vẽ không phù hợp với yêu cầu của bác An.	0,25 0,25 0,25 0,25
Tổng			**10 đ**

Học sinh làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa.

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I-ĐỀ 2
NĂM HỌC 2023 - 2024
Môn: Toán 7
Thời gian: 90 phút *(Không kể thời gian giao đề)*

Họ và Tên ……..…….....Lớp …….SBD……

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN. ***(3,0 điểm)***

**** Khoanh tròn vào một chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng***

Câu 1: Trong các câu sau câu nào ***đúng***?

A. $1,(2) \in Q$. B. $\frac{1}{2} \in Z$. C. $\frac{-9}{5} \notin Q$. D. $-6 \in N$.

Câu 2: Tập hợp các số hữu tỉ kí hiệu là:

A. N B. N^* C. Q D. Z .

Câu 3: Số đối của $\frac{1}{2}$ là:

A. $\frac{2}{1}$ B. $\frac{-1}{2}$ C. $\frac{-2}{1}$ D. $\frac{1}{2}$.

Câu 4: Điểm Z trên trục số biểu diễn số hữu tỉ nào sau đây:

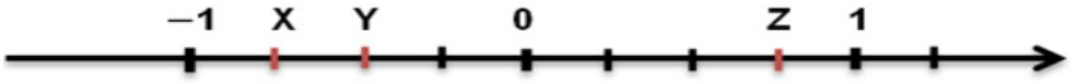

A. $\frac{1}{4}$; B. $\frac{1}{3}$; C. $\frac{4}{3}$; D. $\frac{3}{4}$.

Câu 5: Phép tính nào sau đây là ***đúng?***

A. $x^{18}:x^6 ¿ x^{24}(x \neq 0)$; B. $x^4.x^8 = x^{12}$ C. $x^2.x^6 = x^{12}$ D.¿

Câu 6: Cho các số sau $\frac{1}{3} = 0,33...; \frac{1}{2} = 0,5; \frac{8}{3} = 2,66....; \frac{6}{5} = 1,2$ số nào viết được dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn?

A. $\frac{1}{2} = 0,5; \frac{8}{3} = 2,66....$; B. $\frac{1}{3} = 0,33...; \frac{8}{3} = 2,66....$;

C. $\frac{1}{2} = 0,5; \frac{6}{5} = 1,2$; D. $\frac{8}{3} = 2,66....; \frac{6}{5} = 1,2$

Câu 7 : Số cạnh của hình hộp chữ nhật $ABCD.A'B'C'D'$ là:

A. 12; B.8; C. 10 ; D. 6 .

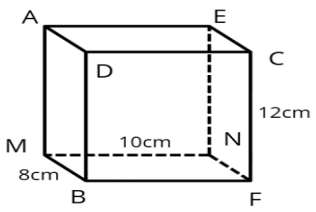

Câu 8: Thể tích của hình hộp chữ nhật bên là:

A. 80 cm^3; B.120 cm^3; C. 960 cm^3 ; D. 216 cm^3.

Câu 9: Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật bên là:

A. 120 cm^2; B.80 cm^2; C. 960 cm^2 ; D. 432 cm^2

Câu 10: Tiên đề Euclid được phát biểu: " Qua một điểm M nằm ngoài đường thẳng a ...."

A. Có vô số đường thẳng song song với a.

B. Có hai đường thẳng song song với a.

C. Có ít nhất một đường thẳng song song với a.

D. Có duy nhất một đường thẳng đi qua M và song song với a.

Câu 11: Cho hình vẽ:

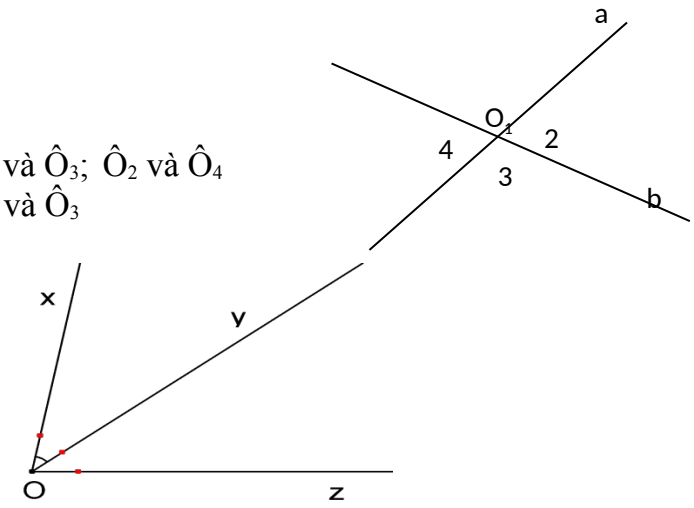

Các cặp góc đối đỉnh là:

A. $\hat{O}_1$ và $\hat{O}_2$ B. $\hat{O}_1$ và $\hat{O}_3$; $\hat{O}_2$ và $\hat{O}_4$

C. $\hat{O}_1$ và $\hat{O}_4$ D. $\hat{O}_2$ và $\hat{O}_3$

Câu 12: Cho hình vẽ, biết $\widehat{yOz}=50^0$, Oy là tia phân giác của góc $\widehat{xOz}$. Khi đó số đo $\widehat{xOy}$ bằng:

$A.100^0$; $B.25^0$

$C.50^0$ $D.40^0$

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 13 (2 điểm) Tính:

a) $\sqrt{25}$ b) $-3+\sqrt{16}$

c) $\left(\frac{2}{3}\right)^5 : \left(\frac{2}{3}\right)^2$ d) $\left(3,5+\frac{4}{3}\right)-2,5$

Câu 14 (0,5 điểm). Tìm số đối của các số sau: -2; $\frac{5}{-8}$; 1,25; $\frac{-3}{-4}$

Câu 15 (2 điểm): Tìm x:

a) $x-\frac{3}{4}=\frac{5}{8}.\frac{3}{5}$ b) $x-\frac{5}{23}=0,5+\frac{18}{23}$

Câu 16 (1 điểm): Cho hình vẽ: Tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ ABC.A'B'C'?

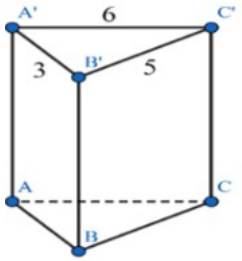

10

Câu 17*(0,5 điểm)* Hãy chỉ ra các cặp góc kề bù có trong hình bên?

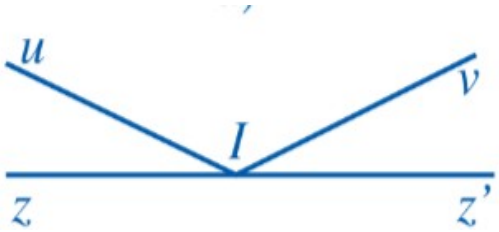

Câu 18: **(1,0 điểm)** Theo yêu cầu của bác An, diện tích phòng bếp tối thiểu đạt 24m^2. Trên bản vẽ có tỉ lệ $\frac{1}{100}$, kích thước phòng bếp trên bản vẽ tính bằng centimet. Khoảng cách trên bản vẽ như vậy có phù hợp với yêu cầu của bác An không? Vì sao?

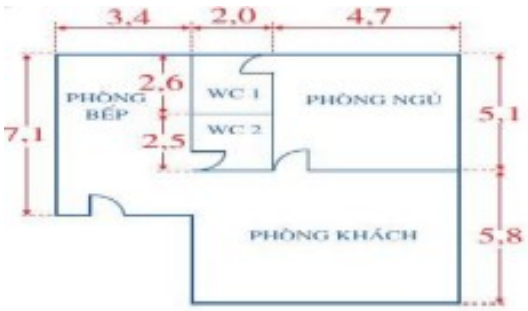

********** Hết **********

ĐÁP ÁN + THANG ĐIỂM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
MÔN: TOÁN 7 – Đề 02

I. Phần trắc nghiệm (3đ). Mỗi câu chọn đúng đáp án được 0,25 đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	**A**	**C**	**B**	**D**	**B**	**B**	**A**	**C**	**D**	**D**	**B**	**C**

II. Phần tự luận (7 đ).

Câu		**Sơ lược các bước giải**	**Điểm**
Câu 13 (2đ)	a (0,5 đ)	a) $\sqrt{25} = 5$	0.5
	b (0,5 đ)	b) $-3+\sqrt{16}$ = -3 + 4 = 1	0.5
	c (0,5 đ)	c) $\left(\frac{2}{3}\right)^5 : \left(\frac{2}{3}\right)^2 = \left(\frac{2}{3}\right)^3$	0.5
	d (0,5 đ)	d) $\left(3,5+\frac{4}{3}\right)-2,5$ $= (3,5-2,5)+\frac{4}{3}$ $= \frac{7}{3}$	0.25 0.25
Câu 14 (0,5đ)	(0,5đ)	Số đối của -2 là 2 Số đối của $\frac{5}{-8}$ là $\frac{5}{8}$ Số đối của 1,25 là -1,25 Số đối của $\frac{-3}{-4}$ là $\frac{-3}{4}$	0,25 0,25
	a	a)	

Câu 15 (2 đ)	(1 đ)	$x-\frac{3}{4}=\frac{5}{8}.\frac{3}{5}$ $x-\frac{3}{4}=\frac{3}{8}$ $x=\frac{9}{8}$	0,5 0,5
	b (1 đ)	b) $x-\frac{5}{23}=0,5+\frac{18}{23}$ $x-\frac{5}{23}=\frac{1}{2}+\frac{18}{23}$ $x-\frac{5}{23}=\frac{59}{46}$ $x=\frac{3}{2}$	0.25 0.25 0,5
Câu 16 (1 đ)	(1 đ)	Chu vi đáy hình lăng trụ đứng tam giác là C=(3+6+5)=14 cm Diện tích xung quanh hình lăng trụ đứng tam giác là: $S_{xq} = 14.10 = 140cm^3$	0.5 0,5
Câu 17 (0.5 đ)	(0.5 đ)	+) $\square Iu$ và $tI\square'$ +) $\square Iv$ và $vI\square'$	0.25 0.25
Câu 18 (1đ)		Kích thước phòng bếp thực tế theo bản vẽ là: 3,4.100 = 340cm = 3,4m 7,1.100 = 710cm = 7,1m Diện tích phòng bếp thực tế theo bản vẽ: 7,1 . 3,4 = 24,14 m^2 Như vậy kích thước phòng bếp như trong bản vẽ phù hợp với yêu cầu của bác An.	0.25 0.25 0.25 0.25
Tổng			**10 đ**

Học sinh làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa..

1. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1
MÔN: TOÁN – LỚP 7. Năm học 2023-2024

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng		Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu hỏi		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TN	TL	
1	Số hữu tỉ (17 tiết)	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	3 (C1,2,3) 0,75đ		2 (C4,5) 0,5 đ						5	3	5,25
		Các phép tính với số hữu tỉ				1 (C13c,d) 1đ		1 (C15) 2đ		1 (C18) 1đ			
	Số thực (5Tiết)	Số vô tỷ, căn thức bậc hai. Tập hợp các số thực	1(C6) 0,25đ	3/2 (C13ab, C14) 1,5đ							1	2	1,75
2	Các hình khối trong thực tiễn (5tiết)	Hình hộp chữ nhật và hình lập phương	1(C7) 0,25đ		2(C8,9) 0,5 đ						3	*1*	1,75
		Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác				1(C16) 1đ							
3	Góc và đường thẳng song song (6 tiết)	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	2(C11,12) 0,5đ	1(C17) 0,5đ							3	1	1,25
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	1(C10) 0,25đ										
Tổng:	**Số câu**		8	5/2	4	3/2		1		1			18
	Điểm		2	2	1	2		2		1			10,0

Tỉ lệ %	40%	30%	20%	10%			100%
Tỉ lệ chung	70%		30%				100%

2. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	VD cao
1	**Số hữu tỉ (17 tiết)**	***Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ***	**Nhận biết** **– Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ.** **– Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ.** **– Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ.** – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.	3(TN)			
			Thông hiểu **– Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số.**		1(TN)		
			Vận dụng: – So sánh được hai số hữu tỉ.				

		Các phép tính với số hữu tỉ	**Thông hiểu:** **– Mô tả được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai luỹ thừa cùng cơ số, luỹ thừa của luỹ thừa).** – Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ.		1(TN)		
			Vận dụng: **– Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ.** – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...).			1(TL)	
			Vận dụng cao: **– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn *(phức hợp, không quen thuộc)* gắn với các phép tính về số hữu tỉ.**				1(TL)
2	**Số thực (5 TIẾT)**	***Căn bậc hai số học***	**Nhận biết:** – Nhận biết được khái niệm căn bậc hai số học của một				

			số không âm.				
			Thông hiểu: **– Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.**		1(TL)		
		Số vô tỉ. Số thực	**Nhận biết:** **– Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn.** – Nhận biết được số vô tỉ, số thực, tập hợp các số thực. – Nhận biết được trục số thực và biểu diễn được số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi. **– Nhận biết được số đối của một số thực.** – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số thực. – Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực.	1(TN) 1(TL)			
			Vận dụng: – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước.				
3	**Các hình khối trong thực tiễn** (5 tiết)	***Hình hộp chữ nhật và hình lập phương***	***Nhận biết*** **Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật và hình lập phương**	1(TN)			

			Thông hiểu **– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương,...).**		2(TN)		
		Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác	***Nhận biết*** – Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: hai mặt đáy là song song; các mặt bên đề u là hình chữ nhật, ...).				
			Thông hiểu – Tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. **– Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.** – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác,...).		1(TL)		
			Vận dụng Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng				

			trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.				
4	**Các hình hình học cơ bản** **(6 tiết)**	***Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc***	***Nhận biết :*** **– Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh).** **– Nhận biết được tia phân giác của một góc** – Nhận biết được cách vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập	2(TN)	1(TL)		
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	***Nhận biết:*** **– Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song**.	1(TN)			
			Thông hiểu: – Mô tả được một số tính chất của hai đường thăng song song – Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.				
Tổng				8 TN 1 TL	4 TN 3 TL	0 TN 1 TL	0 TN 1 TL
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung				70%		30%	